



TÀI LIỆU GIẢNG DẠY PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Phần thứ nhất

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I- ĐỊNH NGHĨA, ĐẶC TRƯNG VÀ BIỂU HIỆN CỦA THAM NHŨNG

1. Định nghĩa

Trên thế giới có nhiều định nghĩa khác nhau về tham nhũng. Theo nghĩa rộng, tham nhũng được hiểu là hành vi của bất kỳ người nào có chức vụ, quyền hạn hoặc được giao nhiệm vụ, quyền hạn và lợi dụng chức vụ, quyền hạn, hoặc nhiệm vụ được giao để vụ lợi. Theo nghĩa hẹp, tham nhũng là sự lợi dụng quyền lực nhà nước để trục lợi riêng.

Ở Việt Nam, khái niệm tham nhũng được quy định tại *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005*¹. Theo đó, “*tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi*”².

2. Đặc trưng của tham nhũng

Theo các quy định của pháp luật hiện hành, tham nhũng có những đặc trưng cơ bản như sau:

- *Chủ thể tham nhũng là người có chức vụ, quyền hạn.*

Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm: cán bộ, công chức, viên chức; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân; cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

- *Chủ thể tham nhũng lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao.*

Đây là đặc trưng thứ hai của tham nhũng. Chủ thể tham nhũng phải sử dụng "chức vụ, quyền hạn của mình như một phương tiện để thực hiện hành vi sai trái nhằm mang lại lợi ích cho mình, cho gia đình mình hoặc cho người khác. Một người có chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vì động cơ vụ lợi nhưng hành vi đó không lợi dụng chức vụ, quyền hạn thì không coi là tham nhũng (ví dụ như hành vi trộm cắp).

¹ Luật Phòng, chống tham nhũng được ban hành năm 2005, được sửa đổi hai lần vào các năm 2007 và 2012, sau đây gọi chung là Luật phòng, chống tham nhũng

² Xem: Điều 1, *Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2007*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.8

- Mục đích của hành vi tham nhũng là vụ lợi

Mục đích của hành vi tham nhũng phải là mục đích vụ lợi. Vụ lợi là lợi ích vật chất (tiền, nhà, đất, các vật có giá trị...) hoặc lợi ích tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn mong muốn đạt được từ việc thực hiện hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình. Lợi ích đó có thể cho mình, cho gia đình mình hoặc người thân của mình

3. Biểu hiện của hành vi tham nhũng

Bộ luật hình sự, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã phân loại tham nhũng theo hành vi. Theo đó, những hành vi sau đây thuộc nhóm hành vi tham nhũng:

1. Tham ô tài sản.
2. Nhận hối lộ.
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.
8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.
9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi.
10. Những nhiễu vì vụ lợi.
11. Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi³.

Trong 12 hành vi tham nhũng nêu trên, có 7 hành vi đã được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2010), bao gồm:

- Tham ô tài sản

Tham ô tài sản là lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý.

- Nhận hối lộ.

³. Xem: Điều 3, Luật phòng, chống tham nhũng.

Nhận hối lộ là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ.

- Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi là cá nhân vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích Nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

- Lạm quyền trong khi thi hành công vụ.

Lạm quyền trong khi thi hành công vụ là cá nhân vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà vượt quá quyền hạn của mình làm trái công vụ gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, của xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng của người khác để trục lợi là cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào, gây hậu quả nghiêm trọng, đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, để dùng ảnh hưởng của mình thúc đẩy người có chức vụ, quyền hạn làm hoặc không làm một việc thuộc trách nhiệm hoặc liên quan trực tiếp đến công việc của họ hoặc làm một việc không được phép làm.

- Giả mạo trong công tác.

Hành vi thứ 8 đến hành vi thứ 12 mới được bổ sung do đây là những hành vi đã phát sinh và đang trở nên phổ biến trên thực tế, cần được quy định cụ thể làm cơ sở pháp lý cho việc xử lý. Tuy nhiên, không phải mọi hành vi tham nhũng đều bị xử lý về hình sự mà chỉ những hành vi hội đủ các dấu hiệu cấu thành tội phạm quy định trong Bộ luật Hình sự thì mới được xác định là tội phạm và bị xử lý bằng biện pháp hình sự (các hành vi được quy định từ khoản 1 đến khoản 7 Điều 3 của Luật) còn những hành vi khác (từ khoản 8 đến khoản 12 Điều 3 của Luật) được xác định là hành vi tham nhũng nhưng chưa cấu thành tội phạm thì được xử lý bằng biện pháp kỷ luật.

- Về hành vi "Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi". Đây là một biểu hiện mới của tệ nạn tham nhũng. Khác với trước kia, tham nhũng thường là những hiện tượng nhỏ lẻ, được thực hiện bởi một hoặc một vài cá nhân, thì hiện nay tham nhũng đã trở nên tinh vi, phức tạp hơn và nhiều khi mang tính tập thể, có tổ chức. Lợi ích mà hành vi tham nhũng nhằm đạt tới nhiều khi không trực tiếp mà "vòng vèo". Do vẫn còn tồn tại cơ chế "xin - cho" trong nhiều lĩnh vực nên có nhiều cá nhân đại diện cho cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương đã tìm cách hối lộ cho người có chức

vụ, quyền hạn phụ trách việc phê duyệt chương trình, dự án, cấp kinh phí, ngân sách để được lợi cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương mình và thông qua đó để đạt được các lợi ích cá nhân. Hành vi này được coi là hành vi tham nhũng. Điều cần lưu ý là hành vi đưa hối lộ, môi giới hối lộ là tội danh được quy định trong Bộ luật Hình sự không thuộc nhóm các tội phạm về tham nhũng mà thuộc nhóm các tội phạm về chức vụ. Nhưng hành vi đưa hối lộ, làm môi giới hối lộ được thực hiện bởi chủ thể có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi thì mới được coi là hành vi tham nhũng. Hành vi này vừa chịu sự điều chỉnh của pháp luật hình sự với tội danh tương ứng (nếu hành vi đó cấu thành tội phạm) vừa là hành vi tham nhũng theo sự điều chỉnh của pháp luật về tham nhũng.

- Về hành vi *"lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản nhà nước vì vụ lợi"*. Đây là hành vi lợi dụng việc được giao quyền quản lý tài sản của nhà nước để phục vụ lợi ích cá nhân hoặc một nhóm người nào đó thay vì phục vụ cho lợi ích công. Biểu hiện cụ thể của hành vi này thường là cho thuê tài sản như: nhà xưởng, trụ sở, xe ô tô và các tài sản khác để lấy tiền chia nhau, nhiều khi là một số lượng rất lớn và tình trạng này có ở hầu hết các cấp, từ trung ương đến địa phương và cần phải ngăn chặn kịp thời.

- Về hành vi *"những nhiều vì vụ lợi"*. Một số cán bộ, công chức không thực hiện trách nhiệm với thái độ công tâm và tinh thần phục vụ mà ngược lại thường tìm cách lợi dụng những sơ hở hoặc không rõ ràng của các thủ tục, thậm chí tự ý đặt ra các điều kiện gây thêm khó khăn cho công dân và doanh nghiệp để buộc công dân và doanh nghiệp quỳ gối, biếu xén cho mình. Thực chất của hành vi này là sự ép buộc đưa hối lộ được che đậy dưới hình thức tinh vi rất khó có căn cứ để xử lý. Cũng có thể coi hành vi những nhiều là hành vi "đòi hối lộ" một cách gián tiếp hoặc ở mức độ chưa thật nghiêm trọng và có thể dùng biện pháp xử lý hành chính.

- Về hành vi *"lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi để bao che cho người có hành vi tham nhũng; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử người có hành vi tham nhũng; không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi"*. Hành vi tham nhũng luôn được che chắn thậm chí là đồng lõa của những người có chức vụ, quyền hạn ở cấp cao hơn. Vì vậy, việc phát hiện và xử lý tham nhũng là hết sức khó khăn. Việc bao che cho người có hành vi tham nhũng, việc cản trở quá trình phát hiện tham nhũng nhiều khi được che đậy dưới rất nhiều hình thức khác nhau: thư tay, điện thoại, nhắc nhở, tránh không thực hiện trách nhiệm của mình hoặc có thái độ, việc làm bất hợp tác với cơ quan có thẩm quyền...

- Hành vi *"không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi"* là hành vi thường được gọi là "bảo kê" của những người có trách nhiệm quản lý, đặc biệt là một số người làm việc tại chính quyền địa phương cơ sở, đã "lờ" đi hoặc thậm chí tiếp tay cho các hành vi vi phạm để từ đó nhận "lương" của những kẻ phạm pháp. Đây là hiện tượng hết sức nguy hại, xuất hiện ngày càng nhiều và cần phải đấu tranh mạnh mẽ.

II- NGUYÊN NHÂN CỦA THAM NHŨNG

Các nghiên cứu về tham nhũng ở các nước trên thế giới và Việt Nam cho thấy tham nhũng là hiện tượng xã hội gắn với sự xuất hiện chế độ tư hữu, sự hình thành giai cấp và sự ra đời, phát triển của bộ máy nhà nước, quyền lực nhà nước và các quyền lực công cộng khác. Tham nhũng tồn tại ở mọi chế độ với những mức độ khác nhau. Khi nhà nước và quyền lực chính trị còn tồn tại thì còn có điều kiện để xảy ra tham nhũng.

Cùng với sự phát triển của các hình thái nhà nước, đặc biệt là trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, các quan hệ chính trị - kinh tế tạo ra những tiền đề khách quan quan trọng làm cho tham nhũng phát triển. Đối với mỗi cá nhân, nhu cầu về lợi ích là yếu tố chủ quan dẫn đến tham nhũng. Khi yếu tố vụ lợi ích kết hợp với lạm dụng quyền lực - của những người có chức vụ, quyền hạn thì khả năng xảy ra tham nhũng là rất cao.

1. Nguyên nhân khách quan

- Quá trình chuyển đổi cơ chế, tồn tại và đan xen giữa cái mới và cái cũ, các chuẩn mực giá trị không rõ ràng tạo điều kiện cho không ít đối tượng lợi dụng danh nghĩa đổi mới, năng động, sáng tạo để chiếm đoạt tài sản nhà nước, lợi dụng chủ trương xã hội hóa một số lĩnh vực để "thương mại hóa", thu lợi ích tối đa cho cá nhân hoặc một nhóm người, thậm chí một cơ quan, đơn vị hay một địa phương.

- Ảnh hưởng của mặt trái cơ chế thị trường, sự cạnh tranh và việc đề cao quá mức giá trị đồng tiền làm cho người sản xuất kinh doanh có xu hướng tối đa hóa lợi nhuận bằng mọi giá, tìm cách hối lộ công chức nhà nước để tạo lợi thế trong kinh doanh. Trong kinh tế thị trường, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, các giá trị xã hội bị đảo lộn, mọi người đều bị sức ép của việc kiếm thật nhiều tiền, xuất hiện tâm lí mọi việc đều có thể mua bán.

- Do ảnh hưởng của tập quán văn hóa, một số nét văn hóa như "miếng trầu là đầu câu chuyện", đạo lí "ăn quả nhớ người trồng cây" ... đã và đang bị lợi dụng để thực hiện hành vi tham nhũng.

2. Nguyên nhân chủ quan

- Hệ thống chính trị chậm được đổi mới, hoạt động của bộ máy nhà nước kém hiệu quả. Đây là một trong những nguyên nhân gây nên sự yếu kém và bất cập của quá trình đổi mới đất nước, tạo điều kiện phát sinh tham nhũng.

- Phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên bị suy thoái, công tác quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên yếu kém. Điều này đã được đánh giá trong nhiều văn kiện của Đảng.

- Cơ chế chính sách pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán, việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, phân biệt quản lý nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh có phần chưa rõ. Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm chạp và thiếu sự kiểm soát chặt chẽ. Cơ chế quản lý tài sản công, quản lý vốn và tài sản trong doanh nghiệp nhà nước còn lỏng lẻo.

- Cải cách hành chính vẫn còn chậm và lúng túng, cơ chế "xin - cho" trong hoạt động công vụ vẫn còn phổ biến; thủ tục hành chính phiền hà, nặng nề, bất hợp lí. Cơ chế "xin - cho" là một trong những nguy cơ của tệ tham nhũng, hối lộ chưa có cách khắc phục. Bên cạnh đó, chế độ công vụ của cán bộ, công chức mới bắt đầu được quan tâm xây dựng, hiện tại còn thiếu cơ chế kiểm tra, giám sát có hiệu quả.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở một số nơi chưa chặt chẽ, sâu sát, thường xuyên, việc xử lí tham nhũng chưa nghiêm.

- Chức năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan nhà nước trong đấu tranh chống tham nhũng chưa rõ ràng, thậm chí chồng chéo, thiếu một cơ chế phối hợp cụ thể, hữu hiệu.

- Thiếu các công cụ phát hiện và xử lí tham nhũng hữu hiệu. Những năm qua hoạt động điều tra, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát đã thu được một số kết quả tích cực, nhưng trên thực tế vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

- Việc huy động lực lượng đông đảo của nhân dân cũng như sự tham gia của lực lượng báo chí vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng chưa được quan tâm đúng mức. Báo chí vừa có tác dụng cảnh báo những nơi có nguy cơ tham nhũng, vừa tham gia phát hiện và đặc biệt là tạo nên dư luận mạnh mẽ đòi xử lí tham nhũng. Vì những lý do khác nhau mà một số cơ quan còn e ngại trước sự tham gia của báo chí, hoặc là vì bản thân sự thông tin đôi khi không chính xác hoặc không đúng thời điểm đã gây khó khăn cho việc phát hiện và xử lí triệt để các vụ việc tham nhũng. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của xã hội về tham nhũng và đấu tranh chống tham nhũng mặc dù đã nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước nhưng chưa tạo ra một sự chuyển biến tích cực trong ý thức xã hội trong việc phản ứng với tệ nạn tham nhũng cũng như đề cao ý thức trách nhiệm của người dân trong việc tham gia vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

III- TÁC HẠI CỦA THAM NHŨNG

Tham nhũng có thể gây ra rất nhiều hậu quả nghiêm trọng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Có thể khái quát những tác hại chủ yếu của tham nhũng ở những điểm chính sau:

1. Tác hại về chính trị

Tham nhũng là trở lực đối với quá trình đổi mới đất nước và làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Hiện nay, tình hình tham nhũng ở nước ta đã ở mức nghiêm trọng, đáng báo động. Tham nhũng không chỉ xảy ra ở cấp Trung ương, ở những chương trình, dự án lớn mà còn xuất hiện nhiều trong các cấp chính quyền cơ sở - là cơ quan tiếp xúc với nhân dân hàng ngày, giải quyết những công việc liên quan trực tiếp đến lợi ích của nhân dân. Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX chỉ rõ: "... Điều làm cho

nhân dân còn nhiều bất bình, lo lắng, bức xúc hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn rất nghiêm trọng..."⁴. Tác hại nguy hiểm của tệ tham nhũng, lãng phí ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả trong việc thực hiện chủ trương, chính sách về kinh tế, xã hội hoặc một nhiệm vụ quản lý nhất định của Nhà nước. Tổng quát hơn, sự nghiệp cách mạng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân. Nhân dân chính là động lực, chủ thể, mục đích của cách mạng.

Tháng 4 năm 2011, Đại hội Đảng IX lại tiếp tục khẳng định: "Điều cần nhấn mạnh là: tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân"⁵. "Nạn tham nhũng diễn ra nghiêm trọng, kéo dài, gây bất bình trong nhân dân và là một nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta"⁶.

Chiến lược quốc gia phòng chống tham nhũng đến năm 2020 tiếp tục khẳng định "tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp trên nhiều lĩnh vực, nhất là trong quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý nhà nước, tiềm ẩn các xung đột lợi ích, phản kháng về xã hội, làm tăng thêm khoảng cách giàu nghèo. Tham nhũng trở thành vật cản lớn cho thành công của công cuộc đổi mới, cho sức chiến đấu của Đảng, đe dọa sự tồn vong của chế độ".

2. Tác hại về kinh tế

Tham nhũng gây thiệt hại rất lớn về tài sản của Nhà nước, của tập thể và của công dân.

Ở nước ta, trong thời gian qua, nạn tham nhũng diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, gây thiệt hại lớn đến tài sản của Nhà nước, tiền, thời gian, công sức của nhân dân. Giá trị tài sản bị thiệt hại, bị thất thoát liên quan tới tham nhũng của mỗi vụ lên tới hàng chục, hàng trăm, thậm chí là hàng ngàn tỷ đồng. Đó là những con số lớn và đáng lo ngại so với số thu ngân sách hàng năm của nước ta. Hậu quả của hành vi tham nhũng không chỉ là việc tài sản, lợi ích của Nhà nước, của tập thể hoặc của cá nhân bị biến thành tài sản riêng của người thực hiện hành vi tham nhũng, mà nguy hiểm hơn, hành vi tham nhũng còn gây thiệt hại, gây thất thoát, lãng phí một lượng lớn tài sản của Nhà nước, của tập thể, của công dân. Ở mức độ thấp hơn, việc một số cán bộ, công chức quan liêu, sách nhiễu đối với nhân dân trong khi thực thi công vụ, lạm dụng quyền hạn trong khi thi hành

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, NXB Chính trị Quốc gia, 2004, tr.188

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, NXB Chính trị Quốc gia, 2001, tr.50,67

⁶ Ban Nội chính Trung ương: *Một số văn bản của Đảng về phòng chống tham nhũng*, NXB Chính trị quốc gia, 2005.tr.204 -205.

công vụ khiến cho nhân dân phải mất rất nhiều thời gian, công sức, tiền bạc để có thể thực hiện được công việc của mình như xin cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận, hoặc các loại giấy tờ khác. Nếu xét từng trường hợp một thì giá trị vật chất bị lãng phí có thể không quá lớn, nhưng nếu tổng hợp những vụ việc diễn ra thường xuyên, liên tục trong cuộc sống hàng ngày thì con số bị thất thoát đã ở mức độ nghiêm trọng.

3. Tác hại về xã hội

Tham nhũng xâm phạm, thậm chí làm thay đổi, đảo lộn những chuẩn mực đạo đức xã hội, tha hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

Trước những lợi ích bất chính đã hoặc sẽ có được khi thực hiện hành vi tham nhũng, nhiều cán bộ, công chức đã không giữ được phẩm chất đạo đức của người cán bộ cách mạng. Họ đã không còn làm việc vì mục đích phục vụ sự nghiệp cách mạng, phục vụ nhân dân mà hướng tới việc thu được các lợi ích bất chính, bất chấp việc vi phạm pháp luật, làm trái công vụ, trái lương tâm, đạo đức nghề nghiệp. Vì vậy, tham nhũng không chỉ phát sinh ở trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai... mà còn có xu hướng lan sang các lĩnh vực từ trước tới nay ít có khả năng xảy ra tham nhũng như văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục thể thao. Thậm chí, cả những lĩnh vực lẽ ra không thể có tham nhũng, cả dưới góc độ đạo đức và pháp luật, như lĩnh vực phúc lợi xã hội hay bảo vệ pháp luật. Hành vi tham nhũng xảy ra không ít trong các chương trình trợ cấp cho thương binh, liệt sỹ, các gia đình chính sách; tham nhũng cả tiền, hàng hóa cứu trợ cho đồng bào gặp thiên tai, tham nhũng trong cả xét duyệt công dân di tích lịch sử, văn hóa, thi đua khen thưởng. Tham nhũng xảy ra ở ngay các cơ quan bảo vệ pháp luật, những cơ quan tượng trưng cho công lý và công bằng xã hội.

IV- CÁC GIẢI PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG

Phòng ngừa tham nhũng là một trụ cột của Luật phòng, chống tham nhũng. Pháp luật Việt Nam hiện hành quy định khá đầy đủ các biện pháp phòng ngừa đang được nhiều nước trên thế giới áp dụng hiện nay. Trong Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, số lượng điều khoản và nội dung về phòng ngừa tham nhũng chiếm tỉ lệ rất lớn, phần lớn những điểm mới trong quy định của pháp luật về chống tham nhũng nằm trong các biện pháp phòng ngừa tham nhũng. Các quy định về biện pháp phòng ngừa, ngừa tham nhũng được quy định tại chương này gồm có 6 mục với tổng số 48 điều quy định những nội dung cụ thể như sau:

Đây là biện pháp quan trọng đầu tiên để ngăn ngừa tham nhũng. Công khai, minh bạch sẽ tạo điều kiện để người dân cũng như toàn xã hội tham gia giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước. Với việc công khai minh bạch trong hoạt động tại các cơ quan nhà nước, người dân sẽ dễ dàng nhận biết được các quyền và nghĩa vụ của mình để chủ động thực hiện theo các quy định của pháp luật cũng như đòi hỏi cơ quan nhà nước và các cán bộ, công chức nhà nước thực hiện các quy định đó. Công khai, minh bạch sẽ làm cho công chức nhà nước có ý thức hơn trong việc thực hiện chức trách, công vụ của mình theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền mà pháp luật quy định bởi, mọi hành vi vi phạm,

phiên hà, sách nhiễu hay lợi dụng chức trách để tư lợi đều có thể bị phát hiện và xử lí.

Luật Phòng, chống tham nhũng đưa ra các nguyên tắc cũng như thể chế hóa để đảm bảo cho việc thực hiện các nguyên tắc đó. Bên cạnh đó Luật phòng, chống tham nhũng quy định công khai, minh bạch trong một số lĩnh vực hoạt động cụ thể, những lĩnh vực dễ xảy ra tham nhũng.

- Về nguyên tắc công khai:

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật phải được tiến hành công khai, minh bạch, bảo đảm công bằng, dân chủ. Cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai hoạt động của mình, trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước và những nội dung khác theo quy định của Chính phủ.

Đây là một bước tiến rất lớn trong quá trình công khai hóa hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Về hình thức công khai:

Để công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã quy định 7 hình thức công khai, bao gồm:

- Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;
- Phát hành ấn phẩm;
- Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- Đưa lên trang thông tin điện tử;
- Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Dựa trên những hình thức này, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải lựa chọn sử dụng một hoặc một số hình thức phù hợp. Quy định cụ thể như vậy để tránh việc cơ quan, tổ chức đơn vị thực hiện công khai một cách hình thức, tùy tiện và né tránh công khai sự thật.

Bên cạnh đó, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định về quyền yêu cầu cung cấp thông tin, bao gồm hai loại: quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí và yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân. Theo đó, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan báo chí trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin về hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình theo quy định của pháp luật.

** Quy định về công khai minh bạch trong một số lĩnh vực cụ thể*

Ngoài việc nêu nguyên tắc và cơ chế bảo đảm công khai minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đơn vị nói chung, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 có những quy định cụ thể trong một số lĩnh vực mà thực tế cho thấy có xảy ra nhiều tham nhũng, gây thất thoát một lượng lớn tiền, tài sản của Nhà nước cũng như có nhiều sự phiền hà, sách nhiễu.

- Công khai, minh bạch trong mua sắm công và xây dựng cơ bản:

Mua sắm công và xây dựng cơ bản là những lĩnh vực sử dụng phần lớn ngân sách nhà nước, đồng thời cũng là lĩnh vực mà Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng khuyến cáo các nước cần đặc biệt quan tâm trong công tác đấu tranh chống tham nhũng. Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005 chỉ nêu ra những nội dung bắt buộc phải công khai để phòng ngừa những hành vi tham nhũng trong quá trình thực hiện mua sắm công và xây dựng cơ bản. Các nội dung công khai về đấu thầu bao gồm:

- Kế hoạch đấu thầu, mời sơ tuyển và kết quả sơ tuyển, mời thầu;
 - Danh mục nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, danh sách ngắn nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế, kết quả lựa chọn nhà thầu;
 - Thông tin về cá nhân, tổ chức thuộc chủ dự án, bên mời thầu, nhà thầu, cơ quan quản lý hoặc đối tượng khác vi phạm pháp luật về đấu thầu; thông tin về nhà thầu bị cấm tham gia và thông tin về xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu;
 - Văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu, hệ thống thông tin dữ liệu về đấu thầu;
 - Báo cáo tổng kết công tác đấu thầu trên phạm vi toàn quốc của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; báo cáo tổng kết công tác đấu thầu của Bộ, ngành, địa phương và cơ sở;
 - Thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong đấu thầu.
- Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng:*

Thực tế công tác thanh tra, kiểm tra trong những năm qua cho thấy, đây là lĩnh vực xảy ra nhiều tham nhũng và gây bức xúc cho người dân, làm thất thoát một khối lượng lớn tài sản của Nhà nước và là một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng khiếu tố đông người, phức tạp.

- Công khai, minh bạch về tài chính và ngân sách nhà nước:

Từ khi ban hành Luật ngân sách nhà nước năm 2003, chúng ta đã từng bước công khai hóa việc xây dựng và thực hiện ngân sách. Vấn đề này đã được quy định trong nhiều văn bản pháp luật, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 nêu ra một số nội dung có tính chất nhấn mạnh để ngăn ngừa tham nhũng.

- Công khai, minh bạch việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân

dân:

Phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, phong trào vận động nhân dân đóng góp xây dựng "điện, đường, trường, trạm" ở nông thôn đã có những kết quả rất tốt trong điều kiện ngân sách của chúng ta còn hạn hẹp. Sự chung sức, chung lòng của toàn dân đã trở thành những cuộc vận động lớn, thể hiện tấm lòng tương thân tương ái đối với những người không may mắn hay gặp thiên tai, bão lũ. Thực tế cho thấy, làm tốt công tác này là điều kiện thuận lợi để chúng ta có thể vượt qua những khó khăn trong quá trình phát triển đồng thời phát huy tích cực tinh thần Đại đoàn kết toàn dân, như Bác Hồ đã dạy: "Đễ trăm lần không dân cũng chịu; khó vạn lần dân liệu cũng xong".

Thực tế cho thấy, đã có không ít những khoản đóng góp của nhân dân bị chiếm đoạt, sử dụng sai mục đích, không ít những hoạt động nhân đạo, từ thiện bị lợi dụng. Vì vậy, những hoạt động này cần phải được công khai để nhân dân giám sát và Nhà nước thanh tra, kiểm tra, ngăn chặn ngay mỗi khi có những biểu hiện không lành mạnh, không minh bạch.

Vấn đề công khai, minh bạch về các khoản đóng góp của nhân dân tuân thủ các yêu cầu:

+ Việc huy động các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng công trình, lập quỹ trong phạm vi địa phương phải lấy ý kiến nhân dân và được Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

+ Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân phải được công khai để nhân dân giám sát và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật. Nội dung phải công khai bao gồm mục đích huy động, mức đóng góp, việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

+ Công trình cơ sở hạ tầng tại xã, phường, thị trấn sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân phải công khai các nội dung: dự toán cho từng công trình theo kế hoạch đầu tư được duyệt; nguồn vốn đầu tư cho từng công trình; kết quả đã huy động của từng đối tượng cụ thể, thời gian huy động; kết quả lựa chọn nhà thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tiến độ thi công và kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình và quyết toán công trình.

Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có quy định về những nội dung công khai để nhân dân biết, bao gồm "Việc quản lý và sử dụng các quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình hợp tác đối với cấp xã; các khoản huy động do nhân dân đóng góp".

+ Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân vì mục đích từ thiện, nhân đạo cũng phải được công khai để nhân dân giám sát và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật. Nội dung phải công khai bao gồm mục đích huy động mức đóng góp, việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

+ Công trình cơ sở hạ tầng tại xã, phường, thị trấn sử dụng các khoản đóng góp của

nhân dân phải công khai các nội dung: dự toán cho từng công trình theo kế hoạch đầu tư được duyệt; nguồn vốn đầu tư cho từng công trình; kết quả đã huy động của từng đối tượng cụ thể, thời gian huy động; kết quả lựa chọn nhà thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; tiến độ thi công và kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình và quyết toán công trình.

+ Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân vì mục đích từ thiện, nhân đạo cũng phải được công khai.

- *Công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng đất:*

Quản lý và sử dụng đất trong thời gian qua là lĩnh vực được xã hội quan tâm. Đây vừa là lĩnh vực xảy ra nhiều tranh chấp khiếu kiện vừa là môi trường thuận lợi cho những người có chức vụ, quyền tham nhũng hoặc làm giàu bất chính. Nhà nước ta đã có nhiều cố gắng nhằm tăng cường quản lý đất đai, thể hiện qua việc Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành thường xuyên được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện và tình hình mới. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng trong lĩnh vực đất đai vẫn được coi là một trong những lĩnh vực xảy ra nhiều tham nhũng với số lượng tài sản lớn nhất. Để góp phần ngăn chặn tình trạng này, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định công khai minh bạch ở một số khâu dễ xảy ra tiêu cực trong quản lý đất đai và dễ nảy sinh tham nhũng.

- *Công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nhà ở:*

Tham nhũng trong lĩnh vực này được thể hiện chủ yếu dưới dạng những nhiều đòi hỏi lộ khi cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà. Mặc dù số lượng tài sản bị chiếm đoạt trong từng vụ việc không lớn nhưng hiện tượng này lại có tính chất phổ biến và ảnh hưởng đến nhiều người dân, gây ra sự bất bình và làm ách tắc quá trình quản lý của nhà nước. Loại hành vi tham nhũng thứ hai, tuy xuất hiện không nhiều nhưng tình vi hơn, số lượng tài sản chiếm đoạt cũng lớn hơn, đó là việc mua nhà ở thuộc sở hữu nhà nước với giá thấp. Một số người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng vị trí và quyền lực của mình để được mua những ngôi nhà, biệt thự có giá trị rất lớn với giá mang tính "tượng trưng", thực chất là chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. Đây là hai hành vi chủ yếu cần phải đấu tranh.

- *Công khai, minh bạch trong lĩnh vực giáo dục:*

Tham nhũng trong lĩnh vực giáo dục ở nước ta diễn ra ở tất cả các khâu: tuyển sinh (đầu vào), quá trình học, cấp văn bằng, chứng chỉ. Đồng thời, tham nhũng cũng xảy ra trong các hoạt động có tính chất quản lý nhà nước và sử dụng ngân sách nhà nước. Hiện nay, chúng ta đang đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, quá trình này đã nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực tham nhũng, nhất là có sự móc nối giữa những người có chức trách quản lý và những kẻ mượn danh nghĩa giáo dục để thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật, thu lợi bất chính.

- Công khai, minh bạch trong lĩnh vực y tế:

Cũng như lĩnh vực giáo dục, y tế là lĩnh vực nhạy cảm, liên quan đến tuyệt đại bộ phận tầng lớp nhân dân. Tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt là tình trạng nhũng nhiễu, vòi vĩnh của một bộ phận không nhỏ nhân viên y tế trong các bệnh viện nhà nước khi thực hiện chức trách, nhiệm vụ khám, chữa bệnh gây ra những phản ứng mạnh mẽ trong nhân dân. Những hành vi tiêu cực, ăn hối lộ của cán bộ ngành y tế khi thực hiện chức năng quản lý nhà, nhất là trong việc quản lý các cơ sở khám chữa bệnh, sản xuất và kinh doanh thuốc chữa bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm cũng diễn ra phổ biến.

- Công khai minh bạch trong lĩnh vực khoa học - công nghệ:

Với mục tiêu đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, Nhà nước đã quan tâm và dành khoản ngân sách lớn cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ. Tuy nhiên, việc sử dụng ngân sách trong lĩnh vực này hiện nay còn chưa hiệu quả, nhiều đề tài công trình nghiên cứu còn xa rời thực tế, chưa có khả năng ứng dụng, quá trình tuyển chọn, phân bổ ngân sách nghiên cứu bị ảnh hưởng nặng nề bởi cơ chế xin - cho, thậm chí xảy ra tình trạng "chạy" kinh phí trong nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy, việc công khai hóa mạnh mẽ lĩnh vực hoạt động này là biện pháp ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, tham nhũng.

- Công khai minh bạch trong lĩnh vực thể dục, thể thao:

Cùng với sự tăng trưởng về kinh tế và với điều kiện sống ngày càng được nâng cao thì các hoạt động thể dục, thể thao đã và đang diễn ra hết sức rầm rộ, sôi nổi. Đây cũng là lĩnh vực mà chúng ta chủ trương đẩy mạnh xã hội hóa. Ngoài các khoản ngân sách được hỗ trợ, các hoạt động này còn thu hút và huy động được rất nhiều kinh phí từ việc tài trợ và tổ chức thi đấu, biểu diễn. Vì vậy, Luật quy định phải bảo đảm tính công khai, minh bạch để tránh tiêu cực, tham nhũng như đã xảy ra trong thời gian vừa qua. Cụ thể là:

- Công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước:

Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước là những hoạt động rất quan trọng trong việc đánh giá tình hình chấp hành chính sách, pháp luật của các cơ quan, tổ chức. Trong thời gian gần đây, kết luận của cơ quan thanh tra và cơ quan kiểm toán hầu hết đều chỉ ra sai phạm kinh tế và trách nhiệm của những cơ quan, tổ chức có liên quan. Nhiều vụ tham nhũng, tiêu cực được phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm toán. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, kết luận thanh tra và kiểm toán luôn có những vấn đề mà dư luận thường thắc mắc, nhất là những thay đổi trong quá trình kết luận và xử lý kết quả thanh tra, kiểm toán. Điều này gây ra ảnh hưởng không nhỏ tới hiệu quả hoạt động của các cơ quan này.

- Công khai, minh bạch trong hoạt động giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân:

- Quy định này chủ yếu hướng vào việc công khai hóa hoạt động hành chính, là một hoạt động quan hệ trực tiếp nhất, cụ thể nhất đến quyền và lợi ích của mọi người dân. Đây cũng là lĩnh vực thường xuyên xảy ra tình trạng vòi vĩnh, sách nhiễu, đòi hỏi lộ. Vi phạm phổ biến là lợi dụng sự không rõ ràng của pháp luật hoặc quy định của pháp luật tuy rõ ràng cụ thể nhưng cơ quan có thẩm quyền hoặc cán bộ, công chức có thẩm quyền tìm cách gây khó khăn, phiền hà để buộc người dân và doanh nghiệp qua cấp biểu xén. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định tính công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm của cơ quan Nhà nước và cán bộ, công chức cũng như quyền của người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, tạo điều kiện để công dân và doanh nghiệp đấu tranh với các biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tạo cơ sở để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý những cơ quan, cá nhân có hành vi vi phạm.

- Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức - cán bộ:

Công tác cán bộ là vấn đề hết sức quan trọng và nhạy cảm. Việc tuyển dụng người vào cơ quan, tổ chức cũng như việc bổ nhiệm, đề bạt cán bộ, công chức, viên chức luôn được Đảng và Nhà nước ta giám sát chặt chẽ và nghiêm túc để có một đội ngũ vừa hồng vừa chuyên, đáp ứng được yêu cầu của công việc, làm việc có trách nhiệm và thực sự là công bộc của dân. Tuy nhiên, thời gian qua, lĩnh vực này đã xảy ra không ít hiện tượng tiêu cực. Một trong những biện pháp hết sức cần thiết và có thể thực hiện ngay đó chính là việc công khai minh bạch trong công tác tổ chức - cán bộ.

2. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Chế độ, định mức, tiêu chuẩn trong các lĩnh vực quản lý luôn liên quan đến việc sử dụng tài sản, vốn và ngân sách nhà nước. Việc thực hiện một cách tùy tiện và trái phép các tiêu chuẩn, chế độ, định mức đó sẽ dẫn đến việc tài sản của Nhà nước bị thất thoát, tiền bạc hoặc những lợi ích vật chất rơi vào một số ít người, thực chất đó là sự hưởng lợi bất chính của những người có chức vụ, quyền hạn hoặc những người có quan hệ thân quen với người có chức vụ quyền hạn. Đây chính là hành vi tham nhũng cần ngăn chặn.

Thông thường có hai loại tiêu chuẩn, chế độ định mức bị vi phạm liên quan đến tham nhũng:

- Một là, các chế độ, định mức tiêu chuẩn về lợi ích, nhất là các chế độ đối với người có chức vụ lãnh đạo, quản lý: Chẳng hạn, chế độ phục vụ, chế độ dùng xe công, tiêu chuẩn dùng điện thoại...

Vi phạm trong việc thực hiện chế độ, định mức tiêu chuẩn này thường có hai dạng như sau:

+ Được hưởng hay sử dụng kinh phí hoặc loại tài sản vượt mức mà Nhà nước quy định;

+ Người không thuộc diện được hưởng nhưng đã được hưởng, tức là tự ý mở rộng đối tượng được hưởng một tiêu chuẩn thuộc về lợi ích vật chất nào đó, ví dụ: Nhà nước quy định chỉ có cán bộ cấp Vụ mới được trang bị điện thoại di động nhưng cơ quan nào đó đã mở rộng đối tượng đến cả các cấp thấp hơn như Trưởng phòng, Đội trưởng...

- Hai là, các chế độ, định mức, tiêu chuẩn có tính chất chuyên môn kỹ thuật: Đó là những quy định để bảo đảm chất lượng các công trình hoặc công việc nào đó, với những yêu cầu chính xác cao về kỹ thuật, về quy trình thực hiện, về thời gian, về nguyên vật liệu. Tự ý thay đổi, hạ thấp tiêu chuẩn này sẽ dẫn đến việc một số người được hưởng lợi, thực chất là tham nhũng, biểu hiện điển hình của loại vi phạm này chính là hiện tượng "rút ruột" công trình xây dựng, hạ thấp chi phí thực tế thông qua việc hạ thấp tiêu chuẩn kỹ thuật để chia nhau hưởng lợi. Đây là hành vi hết sức nguy hiểm bởi vì không những Nhà nước bị thiệt hại về tài sản mà hậu quả có thể hết sức nghiêm trọng, việc khắc phục là rất khó khăn, tốn kém.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã đưa ra các quy định nhằm bảo đảm cho việc ban hành, chấp hành quy định từ việc xây dựng, thực hiện cũng như chế độ, trách nhiệm trong ừường hợp để xảy ra vi phạm.

3. Quy tắc ứng, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

Các nước trên thế giới mặc dù có chế độ chính trị khác nhau nhưng về cơ bản, việc thực hiện quyền lực công đều phải thông qua hoạt động công vụ của đội ngũ công chức. Vì vậy, để chống tham nhũng, không có cách gì tốt hơn là tăng cường kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước, cụ thể là tác động vào đội ngũ cán bộ, công chức và quá trình thực hiện công vụ. Ngoài ra, trong chừng mực nào đó, cần kiểm soát cả những quan hệ xã hội của họ, những quan hệ có nguy cơ bị lợi dụng và nảy sinh tham nhũng. Trên một quan niệm chung như vậy, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã đưa ra nhiều giải pháp liên quan đến cán bộ, công chức như sau:

a) Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức đã được nhiều nước quy định, nhưng vẫn là một khái niệm khá mới ở nước ta. Quy tắc ứng xử vừa biểu hiện mối quan hệ giữa công chức với nhà nước, vừa thể hiện mối quan hệ giữa cán bộ, công chức với xã hội.

Quy tắc ứng xử là các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm, phù hợp với đặc thù công việc của từng nhóm cán bộ, công chức, viên chức và từng lĩnh vực hoạt động công vụ, nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức được công khai để nhân dân giám sát việc chấp hành.

- Quy định về tặng quà và nhận quà tặng của cán bộ, công chức, viên chức:

Việc tặng quà và nhận quà tặng vốn là một phong tục, tập quán bình thường của người Á Đông nói chung và của người Việt Nam nói riêng, thể hiện tình cảm hay sự biết ơn trong các quan hệ xã hội. Tuy nhiên, phong tục này hiện nay đang có xu hướng bị lợi dụng để thực hiện hành vi đưa và nhận hối lộ.

Một số hành vi bị nghiêm cấm trong việc nhận quà bao gồm:

- Cơ quan, đơn vị và cá nhân tặng quà có liên quan đến hoạt động công vụ do mình

hoặc người mà mình nhận thay chịu trách nhiệm giải quyết (trước, trong và sau khi thực hiện công vụ) hoặc thuộc phạm vi quản lí.

- Quà tặng của các cơ quan, đơn vị và cá nhân mà việc tặng quà đó không rõ mục đích.

Đối với quà tặng không đúng chế độ, tiêu chuẩn, đối tượng thì đại diện cơ quan, đơn vị phải từ chối và giải thích rõ lí do với người tặng quà. Trong trường hợp không thể từ chối được, cơ quan, đơn vị phải tổ chức quản lí, xử lí quà tặng theo quy định.

Cán bộ, công chức, viên chức chỉ được nhận quà tặng theo đúng quy định của pháp luật và phải kí xác nhận; phải kê khai thu nhập trong trường hợp pháp luật có yêu cầu.

Đối với quà tặng không đúng chế độ, tiêu chuẩn, đối tượng thì cán bộ, công chức, viên chức phải từ chối và giải thích rõ lí do với người tặng quà. Trong trường hợp không thể từ chối được, cán bộ, công chức, viên chức phải báo cáo thủ trưởng cơ quan, đơn vị mình để xử lí theo quy định.

Đối với quà tặng từ họ hàng, người thân trong gia đình mà những người đó không có mối quan hệ về lợi ích liên quan đến hoạt động công vụ của người được tặng quà và quà tặng từ những cơ quan, đơn vị, cá nhân không liên quan đến hoạt động công vụ của người được tặng quà thì cán bộ, công chức, viên chức được tặng quà không phải báo cáo với cơ quan, đơn vị; trong trường hợp pháp luật có yêu cầu kê khai thu nhập thì cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện kê khai theo đúng quy định.

Ngày 26 tháng 02 năm 2007, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ra Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương trong đó quy định các chuẩn mực xử sự của cán bộ, công chức, viên chức khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ xã hội, bao gồm những việc phải làm hoặc không được làm nhằm bảo đảm sự liêm chính và trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời Bộ nội vụ đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Hội liên hiệp Việt Nam xây dựng quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức trong các tổ chức này.

b) Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

Để góp phần phòng ngừa tham nhũng, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định việc xây dựng quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với một số nghề đặc thù, hoạt động có tính chất độc lập như luật sư, kiểm toán viên. Mặc dù đây không phải là những người thuộc đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong cơ quan nhà nước nhưng cũng cần có những qui định về chuẩn mực đạo đức trong quá trình hành nghề cho phù hợp nhằm hướng tới một nền văn hoá phi tham nhũng trong toàn xã hội, cả trong khu vực công và khu vực tư.

Quy tắc đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù của từng nghề bảo đảm sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong việc hành nghề. Luật Phòng, chống tham nhũng quy định tổ chức xã hội - nghề nghiệp phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp đối với hội viên của mình theo quy định của pháp luật.

c) Vấn đề chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức

Việc chuyển đổi vị trí công tác được coi là một giải pháp quan trọng nhằm ngăn ngừa hiện tượng cầu kết, móc nối hình thành “ê kíp”, “đường dây” tiêu cực, tham nhũng. Điều 43 quy định một số nguyên tắc chung về chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức. Để đảm bảo sự ổn định của quản lí và tính chất chuyên sâu của công việc, việc chuyển đổi chỉ là chuyển đổi về vị trí, mang tính chất địa lí, cơ học chứ không phải chuyển đổi về nội dung, tính chất công việc, đồng thời việc chuyển đổi chỉ thực hiện đối với một số vị trí quản lí tiền, tài sản của nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc, giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đây là một biện pháp mới trong công tác phòng, chống tham nhũng được nhiều nước áp dụng có hiệu quả.

Khoản 1 Điều 43 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, theo thẩm quyền quản lí, có trách nhiệm thực hiện việc định kì chuyển đổi cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại một số vị trí liên quan đến việc quản lí ngân sách, tài sản của Nhà nước, trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan tổ chức, đơn vị, cá nhân nhằm chủ động phòng ngừa tham nhũng.

Cần lưu ý, việc chuyển đổi vị trí công tác và luân chuyển cán bộ có sự khác biệt. Luân chuyển cán bộ là chính sách của Đảng trong công tác cán bộ nhằm đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ lãnh đạo để họ có điều kiện nâng cao trình độ hiểu biết và đủ năng lực thực tiễn đáp ứng được yêu cầu của người lãnh đạo quản lí. Chuyển đổi vị trí công tác là để tránh việc cán bộ, công chức, viên chức do làm lâu ở một vị trí sẽ tìm ra được kẽ hở hay những khiếm khuyết của cơ chế chính sách để tìm cách lợi dụng tham nhũng. Hoặc, do làm lâu ở một vị trí nên tìm cách móc nối với những người có liên quan để thực hiện những hành vi tham nhũng tinh vi, khó phát hiện và ngăn chặn. Chẳng hạn, giữa những người cùng tổ thu thuế, giữa người thu thuế và người nộp thuế thoả thuận bớt xén số thuế lẽ ra phải nộp... Ngoài ra, việc chuyển đổi vị trí công tác phải dựa trên những nguyên tắc nhất định chứ không thể chuyển đổi một cách tùy tiện. Việc chuyển đổi vị trí công việc không làm thay đổi tính chất công việc mà cán bộ, công chức, viên chức đó đang thực hiện và phải phù hợp với chuyên môn, trình độ nghiệp vụ của người được chuyển đổi. Chẳng hạn một nhân viên thu thuế nông nghiệp có thể chuyển sang thu thuế công thương nghiệp; một nhân viên có trách nhiệm theo dõi thu thuế của địa bàn A có thể chuyển sang theo dõi địa bàn B; một cảnh sát khu vực này có thể sang làm cảnh sát khu vực khác... Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 có quy định: Việc chuyển đổi vị trí công tác... chỉ áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức không giữ chức vụ quản lí. Việc luân chuyển cán bộ, công chức giữ chức vụ quản lí thực hiện theo quy định về luân chuyển cán bộ.

4. Vấn đề minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 đã quy định một cách khá toàn diện và đầy đủ những nội dung cơ bản nhất của một hệ thống minh bạch tài sản, bao gồm những vấn đề chính như sau:

- Cán bộ, công chức phải kê khai tài sản hàng năm. Để tránh che giấu, tẩu tán tài sản tham nhũng, ngoài việc kê khai tài sản của bản thân, cán bộ, công chức còn phải kê khai tài sản của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên. Đối tượng tài sản phải kê khai

được mở rộng hơn so với Pháp lệnh chống tham nhũng;

- Việc xác minh tài sản được tiến hành trong một số trường hợp nhất định. Khi xem xét đề bạt, bổ nhiệm, bầu cử hoặc có hành vi tham nhũng thì thủ trưởng cơ quan tổ chức việc xác minh tài sản để xem cán bộ, công chức có kê khai trung thực hay không;

- Bản kết luận về sự minh bạch trong kê khai tài sản được công khai trong một số trường hợp nhất định theo yêu cầu và trên cơ sở quyết định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Người có nghĩa vụ kê khai tài sản sẽ phải chịu trách nhiệm kỷ luật nếu kê khai không trung thực, nếu là người ứng cử thì sẽ bị loại khỏi danh sách bầu cử, người được dự kiến bổ nhiệm, phê chuẩn thì sẽ không được bổ nhiệm, phê chuẩn vào chức vụ dự kiến.

Với tinh thần như trên việc minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức đã khác với trước kia chỉ qui định về kê khai tài sản thu nhập của cán bộ, công chức nay mục tiêu là tiến tới minh bạch tài sản cán bộ, công chức. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 không đặt vấn đề công khai bản kê khai tài sản mà chỉ quy định công khai kết luận về tính minh bạch, trung thực của việc kê khai sau khi đã tiến hành xác minh theo các hình thức và ở những nơi thích hợp.

Về đối tượng có nghĩa vụ phải kê khai, theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, không phải mọi cán bộ, công chức đều phải có nghĩa vụ kê khai tài sản, mà chỉ cán bộ có chức vụ từ Phó trưởng phòng của cấp huyện quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trở lên hoặc tương đương trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức làm tại một số vị trí nhất định (sẽ do Chính phủ quy định).

Về tài sản phải kê khai, tài sản kê khai bao gồm 04 nhóm loại: nhà, quyền sử dụng đất; kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá trị và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ năm mươi triệu đồng trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài; thu nhập phải chịu thuế theo quy định của pháp luật.

Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 còn quy định việc xác minh tài sản là để đánh giá về tính trung thực của việc kê khai, góp phần đánh giá cán bộ, công chức hoặc người tham gia ứng cử vào các cơ quan quyền lực để bảo đảm bộ máy nhà nước có một đội ngũ cán bộ trung thực, liêm chính, không tham nhũng. Qua xác minh, nếu người bị kết luận là không trung thực trong kê khai tài sản, thu nhập thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý bằng một trong các hình thức kỉ luật sau: Khiển trách; Cảnh cáo; Hạ bậc lương; Hạ ngạch. Đối với người kê khai tài sản, thu nhập không trung thực là người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, người dự kiến được bầu, phê chuẩn tại Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại hội của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, người dự kiến được phê chuẩn, bổ nhiệm thì bị xử lý như bị xoá tên khỏi danh sách người ứng cử, không được bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm.

V- CÁC GIẢI PHÁP PHÁT HIỆN THAM NHŨNG

Phát hiện tham nhũng là việc tìm ra vụ việc tham nhũng và có biện pháp kịp thời để hạn chế thiệt hại xảy ra, đồng thời xác định mức độ trách nhiệm của người có hành vi vi phạm, có hình thức xử lý thích đáng và nghiêm minh. Việc phát hiện tham nhũng đòi hỏi

sự nỗ lực của mọi cơ quan, tổ chức đặc biệt là các cơ quan có chức năng thanh tra, điều tra, giám sát, kiểm sát cũng như sự tham gia tích cực của công dân. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định việc phát hiện tham nhũng thông qua ba hoạt động chủ yếu:

- Công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước;
- Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán;
- Tố cáo của công dân.

1. Phát hiện tham nhũng thông qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước

Kiểm tra là một hoạt động không thể thiếu trong quản lý nhà nước. Các hành vi tham nhũng có thể diễn ra trong mọi lĩnh vực quản lý. Vì vậy, công tác kiểm tra của các cơ quan quản lý có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát hiện các vụ việc tham nhũng. Trên thực tế, việc xác định tính chất và mức độ của vụ việc tham nhũng cũng như trách nhiệm của những người vi phạm đòi hỏi có nhiều thời gian và công sức, thường thuộc trách nhiệm của các cơ quan thanh tra, điều tra nhưng những dấu hiệu ban đầu của các vi phạm, những dấu hiệu không bình thường trong hoạt động quản lý lại thường do các cơ quan quản lý phát hiện.

Theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có trách nhiệm thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc phạm vi quản lý của mình nhằm kịp thời phát hiện hành vi tham nhũng. Khi phát hiện có hành vi tham nhũng, thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước phải kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc thông báo cho cơ quan thanh tra, điều tra hoặc Viện kiểm sát có thẩm quyền. Ngoài ra, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 cũng quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc tự kiểm tra nội bộ cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, kiểm tra việc thi hành nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức do mình quản lý để phát hiện tham nhũng. Hình thức kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm cũng như trường hợp kiểm tra đột xuất phải có những điều kiện nhất định. Việc kiểm tra thường xuyên được tiến hành theo chương trình, kế hoạch, tập trung vào lĩnh vực, hoạt động thường phát sinh hành vi tham nhũng. Việc kiểm tra đột xuất được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu tham nhũng.

2. Phát hiện tham nhũng thông qua hoạt động thanh tra, kiểm toán, điều tra, kiểm sát, xét xử, giám sát

Đây là những hoạt động chủ yếu trong việc phát hiện và xử lý tham nhũng. Các cơ quan thanh tra, điều tra, kiểm toán, xét xử và giám sát có chức năng bảo vệ pháp luật và kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm, trong đó có tham nhũng. Đây là lực lượng chính trong cuộc đấu tranh chống vi phạm pháp luật.

Có thể thấy rằng hoạt động thanh tra, kiểm toán đã phát hiện ra rất nhiều sai phạm kinh tế có dấu hiệu tham nhũng hoặc có nguy cơ dẫn đến tham nhũng nếu không được ngăn chặn kịp thời.

Chính vì vậy, các hoạt động này được quy định rất chặt chẽ và đầy đủ trong các văn

bản pháp luật cao nhất của nhà nước. Một mặt, pháp luật trao cho các cơ quan này quyền hạn lớn để có thể đấu tranh với những vi phạm pháp luật, mặt khác cũng quy định chặt chẽ để hoạt động của các cơ quan này phải tuân thủ pháp luật, bảo đảm tính chính xác, khách quan trong khi đánh giá, kết luận những vụ việc và người có hành vi vi phạm để tránh oan sai.

Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 quy định riêng một nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử trong phát hiện, xử lý tham nhũng.

3. Tố cáo và giải quyết tố cáo về hành vi tham nhũng

Tố cáo là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Tố cáo là một kênh quan trọng trong phát hiện hành vi tham nhũng. Luật Phòng, chống tham nhũng quy định những nguyên tắc chung và nội dung cơ bản của tố cáo hành vi tham nhũng. Luật quy định cơ chế bảo vệ người tố cáo, quyền và nghĩa vụ của người tố cáo và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tiếp nhận và xử lý tố cáo hành vi tham nhũng, khen thưởng người tố cáo...

Vấn đề tố cáo và giải quyết tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật nói chung đã được quy định trong Luật khiếu nại, tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo hành vi tham nhũng với hai nhóm nội dung sau:

Thứ nhất, quyền của công dân trong việc tố cáo hành vi tham nhũng, trách nhiệm của công dân khi thực hiện quyền tố cáo. Người tố cáo phải tố cáo trung thực, nêu rõ họ, tên địa chỉ, cung cấp thông tin, tài liệu mà mình có và hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo. Người tố cáo mà cố tình tố cáo sai sự thật phải bị xử lý nghiêm minh, nếu gây thiệt hại cho người bị tố cáo thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và những người có thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết tố cáo của công dân đối với hành vi tham nhũng. Luật Phòng, chống tham nhũng nhấn mạnh trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc bảo vệ người tố cáo khỏi sự đe dọa trả thù, trù dập. Đây là vấn đề rất quan trọng vì trong nhiều trường hợp, người bị tố cáo là những người có chức vụ quyền hạn, thậm chí giữ chức vụ, quyền hạn rất cao nên họ có nhiều cách để trả thù người tố cáo hoặc giữ kín sự việc mà người tố cáo phát hiện cho nhà nước. Vì vậy, Nhà nước phải có những cơ chế bảo vệ người tố cáo, tạo điều kiện để công dân tích cực phát hiện các hành vi tham nhũng, cơ quan nhà nước kịp thời xử lý.

Về hình thức tố cáo, công dân tố cáo hành vi tham nhũng bằng các hình thức sau:

- Tố cáo trực tiếp;
- Gửi đơn tố cáo;
- Tố cáo qua điện thoại;

- Tố cáo bằng thông điệp dữ liệu;

Nghị định 59/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tham nhũng cũng đã quy định cụ thể, chi tiết về những vấn đề này. Nhằm tạo thuận lợi cho việc xử lý tố cáo và đề cao trách nhiệm của người tố cáo, hạn chế việc lợi dụng quyền tố cáo để vu cáo, làm hại uy tín danh dự của người khác, Nghị định cũng quy định: “Người tố cáo phải nêu rõ họ, tên, địa chỉ, nội dung tố cáo và cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có”.

Để tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo vệ người tố cáo khỏi sự trả thù, trù dập, trước hết Nghị định quy định những hành vi bị nghiêm cấm, bao gồm:

- Đe dọa, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người tố cáo, người thân của người tố cáo;

- Đe dọa, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp, các hoạt động kinh doanh, nghề nghiệp của người tố cáo, người thân của người tố cáo;

- Ngăn cản, gây khó khăn cho việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của người tố cáo trong việc nâng ngạch, tăng bậc lương, phụ cấp, khen thưởng, bổ nhiệm và việc thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp khác của người tố cáo, người thân của người tố cáo;

- Phân biệt đối xử, lôi kéo người khác cản trở việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người tố cáo, người thân của người tố cáo;

- Xử lý kỉ luật trái pháp luật, thay đổi công việc của người tố cáo, người thân của người tố cáo với động cơ trù dập.

Người nào thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì tùy theo tính chất, mức độ phải bị xử lý kỉ luật, xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Luật Phòng, chống tham nhũng quy định trách nhiệm chủ yếu trong việc xử lý các tố cáo về hành vi tham nhũng thuộc về cơ quan thanh tra, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát như sau (Khoản 3 Điều 65 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005):

Cơ quan thanh tra có trách nhiệm giúp thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp xác minh, kết luận về nội dung tố cáo và kiến nghị biện pháp xử lý; trường hợp phát hiện có dấu hiệu tội phạm thì chuyển cho cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhận được tố cáo về hành vi tham nhũng phải xử lý theo thẩm quyền.

Luật cũng quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ quyền hạn của mình phải tạo điều kiện, cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo để phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời hành vi tham nhũng, hạn chế thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra.

Về khen thưởng cho người tố cáo, Điều 67, Luật phòng, chống tham nhũng năm

2005 quy định: "Người tố cáo trung thực, tích cực cộng tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi tham nhũng thì được khen thưởng về vật chất, tinh thần theo quy định của pháp luật".

Phần thứ hai

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2012)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

2. Tham nhũng là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó vì vụ lợi.

3. Người có chức vụ, quyền hạn bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức;

b) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân;

c) Cán bộ lãnh đạo, quản lý trong doanh nghiệp của Nhà nước; cán bộ lãnh đạo, quản lý là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;

d) Người được giao thực hiện nhiệm vụ, công vụ có quyền hạn trong khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản tham nhũng* là tài sản có được từ hành vi tham nhũng, tài sản có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng.

2. *Công khai* là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị công bố, cung cấp thông tin chính thức về văn bản, hoạt động hoặc về nội dung nhất định.

3. *Minh bạch tài sản, thu nhập* là việc kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai và khi cần thiết được xác minh, kết luận.

4. *Những nhiễu* là hành vi cửa quyền, hách dịch, gây khó khăn, phiền hà khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

5. *Vụ lợi* là lợi ích vật chất, tinh thần mà người có chức vụ, quyền hạn đạt được hoặc có thể đạt được thông qua hành vi tham nhũng.

6. *Cơ quan, tổ chức, đơn vị* bao gồm cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp của Nhà nước và cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.

Điều 3. Các hành vi tham nhũng

1. Tham ô tài sản.

2. Nhận hối lộ.
3. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản.
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
5. Lạm quyền trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi.
7. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi.
8. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ được thực hiện bởi người có chức vụ, quyền hạn để giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc địa phương vì vụ lợi.
9. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi.
10. Những nhiễu vì vụ lợi.
11. Không thực hiện nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.
12. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để bao che cho người có hành vi vi phạm pháp luật vì vụ lợi; cản trở, can thiệp trái pháp luật vào việc kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án vì vụ lợi.

Điều 5. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người có chức vụ, quyền hạn

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- b) Tiếp nhận, xử lý kịp thời báo cáo, tố giác, tố cáo và thông tin khác về hành vi tham nhũng;
- c) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo hành vi tham nhũng;
- d) Chủ động phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng; kịp thời cung cấp thông tin, tài liệu và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong quá trình phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau đây:

- a) Chỉ đạo việc thực hiện các quy định tại khoản 1 Điều này;
- b) gương mẫu, liêm khiết; định kỳ kiểm điểm việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình trong việc phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng, xử lý

người có hành vi tham nhũng;

c) Chịu trách nhiệm khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

3. Người có chức vụ, quyền hạn có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, công vụ đúng quy định của pháp luật;

b) Gương mẫu, liêm khiết; chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp;

c) Kê khai tài sản theo quy định của Luật này và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của việc kê khai đó.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong phòng, chống tham nhũng

Công dân có quyền phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng; có nghĩa vụ hợp tác, giúp đỡ cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc phát hiện, xử lý người có hành vi tham nhũng.

Điều 10. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Các hành vi quy định tại Điều 3 của Luật này.

2. Đe dọa, trả thù, trù dập người phát hiện, báo cáo, tố giác, tố cáo, cung cấp thông tin về hành vi tham nhũng.

3. Lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu cáo, vu khống cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác.

Điều 12. Hình thức công khai

1. Hình thức công khai bao gồm:

a) Công bố tại cuộc họp của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

c) Thông báo bằng văn bản đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan;

d) Phát hành ấn phẩm;

đ) Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng;

e) Đưa lên trang thông tin điện tử;

g) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Trong trường hợp pháp luật không có quy định về hình thức công khai, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện một hoặc một số hình thức công khai quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này. Ngoài ra, người đứng đầu cơ quan,

tổ chức, đơn vị có thể lựa chọn thêm hình thức công khai quy định tại điểm a, điểm g khoản 1 Điều này.

Điều 14. Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng

1. Trong quản lý dự án đầu tư xây dựng, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

a) Báo cáo tiền khả thi, báo cáo khả thi, báo cáo đánh giá tác động kinh tế - xã hội; các mục tiêu, dự kiến kết quả, các nhóm hoạt động chính và đối tượng thụ hưởng trong quá trình lập dự án;

b) Quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch thực hiện dự án;

c) Báo cáo tiến độ, báo cáo kết quả thực hiện dự án, báo cáo đánh giá thực hiện dự án và báo cáo kết thúc dự án.

2. Dự án quy hoạch đầu tư xây dựng phải được lấy ý kiến của nhân dân địa phương nơi quy hoạch về nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và sau khi được phê duyệt phải được công khai về các nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

3. Dự án đầu tư xây dựng từ ngân sách địa phương phải được Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

4. Dự án đầu tư xây dựng sau khi được quyết định, phê duyệt phải được công khai về nội dung quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này để nhân dân giám sát.

Điều 16. Công khai, minh bạch việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân

1. Việc huy động các khoản đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng công trình, lập quỹ trong phạm vi địa phương phải lấy ý kiến nhân dân và được Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân quy định tại khoản 1 Điều này phải được công khai để nhân dân giám sát và phải chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung phải công khai bao gồm mục đích huy động, mức đóng góp, việc sử dụng, kết quả sử dụng và báo cáo quyết toán.

4. Công trình cơ sở hạ tầng tại xã, phường, thị trấn sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân phải công khai các nội dung sau đây:

a) Nội dung phải công khai quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Dự toán cho từng công trình theo kế hoạch đầu tư được duyệt;

- c) Nguồn vốn đầu tư cho từng công trình;
- d) Kết quả đã huy động của từng đối tượng cụ thể, thời gian huy động;
- đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- e) Tiến độ thi công và kết quả nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình và quyết toán công trình.

5. Việc huy động, sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân vì mục đích từ thiện, nhân đạo được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 17. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ

Việc quản lý, phân bổ, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) được thực hiện theo quy định tại Điều 15 của Luật này. Đối với các khoản viện trợ phi chính phủ phải được công khai cho các đối tượng thụ hưởng biết.

Điều 18. Công khai, minh bạch trong quản lý doanh nghiệp nhà nước

1. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm công khai các nội dung sau đây:

- a) Vốn và tài sản của Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;
- b) Vốn và tài sản của doanh nghiệp đầu tư vào công ty con, công ty liên kết;
- c) Các khoản đầu tư ngoài ngành nghề kinh doanh chính;
- d) Vốn vay ưu đãi;
- đ) Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán;
- e) Việc lập và sử dụng quỹ của doanh nghiệp;
- g) Việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý;

h) Họ, tên, nhiệm vụ, lương và các khoản thu nhập khác của người trong Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng.

2. Hằng năm, doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập phải báo cáo bằng văn bản các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này với Bộ Tài chính, bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực kinh doanh chính và Thanh tra Chính phủ.

Hằng năm, doanh nghiệp nhà nước do Bộ trưởng thành lập phải báo cáo bằng văn bản các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này với Bộ Tài chính, bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực kinh doanh chính, Thanh tra Chính phủ và Thanh tra bộ chủ quản.

Hằng năm, doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập phải báo cáo bằng văn bản các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này với Sở tài chính, sở quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực kinh doanh

chính và Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 23. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực giáo dục

1. Việc tuyển sinh, thi, kiểm tra, cấp văn bằng, chứng chỉ phải được công khai.
2. Cơ quan quản lý giáo dục phải công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nguồn lực tài chính cho hoạt động giáo dục; khoản hỗ trợ, các khoản đầu tư cho giáo dục và khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
3. Cơ sở giáo dục công lập phải công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục; việc thu, quản lý, sử dụng học phí, lệ phí tuyển sinh, các khoản thu từ hoạt động tư vấn, chuyển giao công nghệ, khoản hỗ trợ, đầu tư cho giáo dục và khoản thu, chi tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực y tế

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục và việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề y, dược tư nhân, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề cho các cơ sở hành nghề y, dược phải được công khai.
2. Cơ quan quản lý y tế, cơ sở khám, chữa bệnh có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước phải công khai việc thu, quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, giá thuốc, việc thu, quản lý, sử dụng các loại phí liên quan đến việc khám, chữa bệnh và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực khoa học - công nghệ

1. Việc xét, tuyển chọn, giao trực tiếp, tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ và việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học - công nghệ phải được tiến hành công khai.
2. Cơ quan quản lý khoa học - công nghệ, đơn vị nghiên cứu khoa học - công nghệ phải công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, các khoản hỗ trợ, viện trợ, đầu tư, các khoản thu từ hoạt động khoa học - công nghệ.

Điều 26. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực thể dục, thể thao

Cơ quan quản lý thể dục, thể thao, Ủy ban Ô-lim-pích Việt Nam, các liên đoàn thể thao, cơ sở thể dục, thể thao có trách nhiệm công khai việc quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước, các khoản thu từ hoạt động và dịch vụ thể dục, thể thao, khoản tài trợ, hỗ trợ, đóng góp của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài cho hoạt động thể dục, thể thao.

Điều 26a. Công khai, minh bạch trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông

Trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

1. Việc lập, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch về văn hóa, thông tin, truyền thông;
2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền và việc cấp phép, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, truyền thông.

Điều 26d. Công khai, minh bạch trong việc thực hiện chính sách dân tộc

Trong việc thực hiện chính sách dân tộc, phải công khai, minh bạch các nội dung sau đây:

1. Điều kiện, tiêu chuẩn của đối tượng thụ hưởng, mức thụ hưởng; trình tự, thủ tục, thẩm quyền thực hiện chính sách dân tộc thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn, đặc biệt khó khăn;
2. Việc thực hiện các chương trình, dự án vùng đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn, đặc biệt khó khăn;
3. Báo cáo kết quả thực hiện chính sách dân tộc.

Điều 27. Công khai, minh bạch trong hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước

1. Hoạt động thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiểm toán nhà nước phải được tiến hành công khai theo quy định của pháp luật.

2. Văn bản, quyết định sau đây phải được công khai, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác:

- a) Quyết định thanh tra, kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra;
- b) Quyết định giải quyết khiếu nại;
- c) Kết luận nội dung tố cáo, quyết định xử lý hành vi vi phạm bị tố cáo;
- d) Báo cáo kiểm toán; báo cáo thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Điều 28. Công khai, minh bạch trong hoạt động giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực nhà, đất, xây dựng, đăng ký kinh doanh, xét duyệt dự án, cấp vốn ngân sách nhà nước, tín dụng, ngân hàng, xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quản lý hộ khẩu, thuế, hải quan, bảo hiểm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác trực tiếp giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phải công khai thủ tục hành chính, giải quyết đúng thời hạn, đúng pháp luật và đúng yêu cầu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quyền đề nghị với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết công việc của mình giải thích rõ những nội dung có liên quan. Khi nhận được đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thì cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải kịp thời giải thích công khai.

3. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải thích chưa thỏa đáng hoặc cố tình gây khó khăn, phiền hà thì cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quyền kiến nghị lên cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

Điều 33. Công khai báo cáo hằng năm về phòng, chống tham nhũng

1. Hằng năm, Chính phủ có trách nhiệm báo cáo Quốc hội về công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước; Ủy ban nhân dân có trách nhiệm báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác phòng, chống tham nhũng ở địa phương.

2. Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng phải được công khai.

Điều 69. Xử lý đối với người có hành vi tham nhũng

Người có hành vi tham nhũng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, truy cứu trách nhiệm hình sự; trong trường hợp bị kết án về hành vi tham nhũng và bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật thì phải bị buộc thôi việc; đối với đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân thì đương nhiên mất quyền đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Bộ Luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)

Điều 278. Tội tham ô tài sản (trích)

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a) Gây hậu quả nghiêm trọng;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;
- c) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

.....

Điều 279. Tội nhận hối lộ

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn, trực tiếp hoặc qua trung gian đã nhận hoặc sẽ nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác dưới bất kỳ hình thức nào có giá trị từ hai

triệu đồng đến dưới mười triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây để làm hoặc không làm một việc vì lợi ích hoặc theo yêu cầu của người đưa hối lộ, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

- a) Gây hậu quả nghiêm trọng;
- b) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;
- c) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm.

